

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **330/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/12/2021

V/v “Tranh chấp ly hôn, con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B- TỈNH ĐỒNG NAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Kim Kiên – Phó Chủ tịch Hội liên Hiệp Phụ nữ thành phố B.

Ông Võ Văn Phi – Trưởng ban Quản lý chợ Tân Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1390/2021/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 06 năm 2021, về việc “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 311/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/12/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Du Huệ C**, sinh năm 1986

Hộ khẩu thường trú: Ấp Bờ Càng, xã Đ, huyện Đ, Bạc Liêu

- Bị đơn: Bà **Võ Ánh P**, sinh năm 1978

Hộ khẩu thường trú: 213, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông C và bà P đều có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Du Huệ C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Võ Ánh P tự nguyện tìm hiểu và đi đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Tuy nhiên ông, bà phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, cả hai đã không còn tôn trọng lẫn nhau, nhiều lần cả hai cùng ngồi lại vì không muốn hạnh phúc gia đình tan vỡ, cố gắng giải quyết mâu thuẫn

nhưng vẫn không có kết quả. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm của ông với bà P cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông xin được ly hôn với bà P để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông và bà P có một người con chung là cháu Du Ánh L, sinh ngày 16/03/2018. Ly hôn, ông đồng ý giao cháu L cho bà P nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ông đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu L số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Về tài sản chung: Ông C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai của bà Võ Ánh P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà thống nhất ý kiến với nội dung trình bày trong đơn khởi kiện của ông C về việc cả hai tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh sau đó. Nay bà P xét thấy tình cảm của ông C với bà cũng không còn, cả hai cũng không thể sống chung được với nhau nữa. Do đó, nay ông C xin ly hôn với bà thì bà đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông C có một người con chung là cháu Du Ánh L, sinh ngày 16/03/2018. Ly hôn, bà xin được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu L. Bà đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con ông C đề ra là số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Về tài sản chung: Bà P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Du Huệ C nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với bà Võ Ánh P, sinh năm 1978, có địa chỉ cư trú tại 213, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Qua nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng bà Võ Ánh P cung cấp bản tự khai và có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ; hòa giải và phiên tòa; ông Du Huệ C sau đó cũng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt ông C và bà P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo ông Du Huệ C khai thì ông và bà Võ Ánh P tự nguyện tìm hiểu và đi đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai vào năm 2017; có tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Tuy nhiên sau đó cả hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên xảy ra bất hòa, không còn tôn trọng lẫn nhau, nhiều lần cả hai đã cùng ngồi lại để hàn gắn vì không muốn hạnh

phúc gia đình tan vỡ, cố gắng để giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả. Lời trình bày này của ông C cũng được bà P thừa nhận tại bản tự khai của bà P, đồng thời bà P cũng thống nhất ly hôn. Do đó, xét thấy, cuộc sống hôn nhân của ông C – bà P không hạnh phúc trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không có khả năng hàn gắn. Do vậy, việc ông Du Huệ C xin ly hôn với bà Võ Ánh P là hoàn toàn có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông C và bà P có 01 người con chung là cháu Du Ánh L, sinh ngày 16/03/2018. Ly hôn, cả hai thống nhất giao cháu L cho bà Võ Ánh P nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ông C phải cấp dưỡng nuôi cháu L số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) đến khi cháu L có đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời gian cấp dưỡng tính kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2021.

Ông C được đảm bảo quyền thăm non con; không ai được cản trở ông C thực hiện quyền này. **Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.**

[4] Về tài sản chung: Các đương sự đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Các đương sự đều khai không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc ông Du Huệ C phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 266, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 19; Điều 53, Điều 56; Điều 71; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110; khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Du Huệ C. Ông Du Huệ C được ly hôn với bà Võ Ánh P.

- Về con chung: Giao cháu Du Ánh L, sinh ngày 16/03/2018 cho bà Võ Ánh P nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ông Du Huệ C phải cấp dưỡng nuôi cháu L số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) đến khi cháu L có đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời gian cấp dưỡng tính kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2021.

Ông C được đảm bảo quyền thăm non con; không ai được cản trở ông C thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Các đương sự đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự đều khai không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng: Ông Du Huệ C phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà ông C đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0001602 ngày 08/06/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố B. Ông C còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về quyền kháng cáo: Ông Du Huệ C và bà Võ Ánh P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP.B;
- THA dân sự ;
- Đương sự;
- UBND xã (phường);
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trần Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân

SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

